

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS LÊ ĐỘ

Số: 515/THCSLD-VP
Về việc báo cáo công khai các nội dung
năm học 2023-2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Sơn Trà;

Thực hiện Công văn số 2735/UBND-PGDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024 và 1044/P GDĐT ngày 11/9/2023;

Trường THCS Lê Độ nộp các hồ sơ sau:

- Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2022-2023.
 - Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai trong trường học theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024
 - Biểu mẫu 09: Thông báo cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.
 - Biểu mẫu 10: Thông báo công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2022-2023.
 - Biểu mẫu 11: Thông báo công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2023-2024
 - Biểu mẫu 12: Thông báo công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường năm học 2023-2024
 - Thông báo công khai học phí và các khoản thu khác năm học 2023-2024
 - Thông báo công khai các khoản chi năm học 2022-2023
 - Thông báo công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

Vậy trường Trung học cơ sở Lê Độ báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo cấp trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,



Phạm Thị Hoa

Sơn Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai của năm học 2022-2023

Kính gửi: Phòng GD&ĐT quận Sơn Trà

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 794/PGD&ĐT ngày 30/10/2019 của phòng GD&ĐT Sơn Trà về việc

Trường THCS Lê Độ báo cáo thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT, cụ thể như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy

- Triển khai đầy đủ nội dung Kế hoạch số thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp cơ quan.
- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

II. Thực hiện công khai

1. Nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 10).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

- Kết quả rèn luyện/Hạnh kiểm: Tỉ lệ hạnh kiểm (rèn luyện) Tốt, Khá chiếm 98,56% tăng 1.11%; tỉ lệ HS Yếu (Chưa đạt) chiếm 0.36 tăng 0.26 so với năm học trước, nguyên nhân học sinh sử dụng tài liệu trong khi làm bài kiểm tra cuối học kỳ. Dánh giá hạnh kiểm : chưa đạt/ yếu.

- Kết quả học tập: Tỉ lệ học sinh Giỏi/Tốt: 44,28% tăng 0,38% so với năm học 2021 – 2022; học lực TB/Đạt trở lên chiếm 97,26 % (thấp hơn 0.58% so với năm học trước)



Có 13 học sinh vào trường THPT chuyên Lê Quý Đôn các môn Toán, Văn, Anh, Hóa, Sinh, Địa và Tin học, tỉ lệ vào trường THPT công lập : 76.6% thấp hơn năm học trước 9,21%). Học sinh lớp 9 đỗ tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 98.51 %, trong đó đỗ loại khá và giỏi chiếm 65.48 %. Cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc”: có 01 giải đại sứ và 3 giải khuyến khích cấp thành phố và 1 giải khuyến khích cấp quốc gia.

+ Thi KHKT: cấp quận đạt 2 giải Nhất, 1 Nhì, 1 KK; cấp thành phố đạt 01 giải Tứ.

+ Thi Đại sứ văn hóa đọc: cấp thành phố đạt 1 giải Đại sứ, 3 giải khuyến khích; cấp quốc gia: đạt 1 giải khuyến khích quốc gia.

+ Thi Chiến thắng Internet chủ đề “Ứng phó biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro do thiên tai”: đạt 2 giải Nhất trong 2 game show trên truyền hình VTV8 do Chi cục PCTT thành phố Đà Nẵng tổ chức. Giải “Tương tác tốt” video 1 phút xanh; 1 giải Nhất và 3 giải khuyến khích cuộc thi thiết kế video về bảo vệ môi trường do Phòng GD&ĐT phối hợp với Phòng TNMT quận tổ chức.

+ Thi học sinh giỏi lớp 8 cấp quận đạt: 9 nhất, 14 nhì, 8 ba và 5 khuyến khích.

+ Thi học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố đạt: 10 nhất, 23 nhì, 20 ba và 10 khuyến khích. Tỉ lệ 94% (63/67 dự thi).

- Thi Tin học trẻ:

+ Cấp quận: 5 nhất, 4 nhì, 3 ba, 4 khuyến khích.

+ Cấp thành phố: 3 Nhất, 3 Nhì, 2 ba và 7 khuyến khích.

+ Khu vực miền trung – Tây nguyên: 1 huy chương vàng, 3 huy chương bạc, 3 huy chương đồng và 2 khuyến khích.

- Tham gia HKPD

+ Cấp quận: 9 nhất, 13 nhì, 12 ba.

+ Cấp thành phố: 1 nhì.

(Đính kèm Biểu mẫu 10)

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Trường được UBND thành phố tặng bằng khen tập thể lao động xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu khối thi đua quận Sơn Trà; được UBND thành phố tặng bằng công nhận Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định 1457/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 và được Sở GD&ĐT tặng Bằng công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 theo Quyết định 814/QĐ-SGDĐT ngày 13/7/2023: Liên đội xuất sắc nghìn việc tốt cấp TP.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục

Đã hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 theo Quyết định 814/QĐ-SGDĐT ngày 13/7/2023 của Sở GD&ĐT.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; Số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp đã được nhà trường công khai đầy đủ trước đội ngũ GV, CNV nhà trường và cha mẹ học sinh (Theo mẫu 11).

b) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, công khai rõ ràng trong Hội đồng sư phạm, có niêm yết bảng phân công. Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 12).

1.3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Học phí và các khoản thu khác từ người học.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi hội họp, hội thảo; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

2. Hình thức và thời điểm công khai

2.1. Hình thức

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.

- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh... bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường (WebSite: <http://thcs-ledo-danang.edu.vn/>), bảng thông báo. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai



Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 20/9/2023.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2022 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2022 của UBND thành phố.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 9 hàng năm, cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là báo cáo công tác công khai năm học 2022-2023 của trường THCS Lê Độ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



Phạm Thị Hoa

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Lê Độ xây dựng kế hoạch thực hiện Quy chế công khai nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực, đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát, đánh giá theo qui định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo qui định của qui chế thực hiện công khai.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội dung công khai:

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục.
- + Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế.
- + Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông.
- + Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Căn cứ Quy chế công khai theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, nội dung công khai:

- + Công khai thu, chi tài chính.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN



1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng: Điều kiện tuyển sinh vào lớp 6; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện CSVC của nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh (phòng học tập, thiết bị, tin học,...), các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; kết quả đánh giá về học lực, hạnh kiểm, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng tiếp tục học tập của học sinh (Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp TP, Quận; tỉ lệ học sinh được công nhận TN THCS, đỗ vào lớp 10 hệ công lập, số học sinh nam, nữ, học sinh dân tộc thiểu số từng khối lớp (Biểu 10).

c) Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường (Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên: Được phân chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu - chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường: Công khai tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Học phí và các khoản thu khác.

- Các khoản chi theo từng năm học: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Kết quả kiểm toán (nếu có).

4. Hình thức và thời điểm công khai

Giao Bà Võ Thị Hồng – Kế toán: Tổng hợp nhập máy các biểu mẫu, báo cáo, niêm yết công khai các nội dung và lưu hồ sơ công khai qui định theo.

Công khai trên Website nhà trường tại địa chỉ: <http://thcs-ledo-danang.edu.vn>

Niêm yết công khai tại nhà trường; công khai trong các kỳ họp, hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Thời điểm công khai: Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Cô Phạm Thị Hoa, Hiệu trưởng

- Phụ trách chung, thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 hoàn thành trước ngày 30/9/2023.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết.

+ Đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Cô Võ Thị Hiếu Nhi, Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (Thực hiện Biểu mẫu 09 và 10, KĐCLGD) hoàn thành trước 20/9/2023

3. Cô Đỗ Thị Hương Thủy, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC

- Thực hiện Biểu mẫu 11 và 12, hoàn thành trước 20/9/2023.

4. Cô Võ Thị Hồng, Kế toán

- Tham mưu Hiệu trưởng thực hiện công tác công khai, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo qui định.

- Phụ trách các nội dung liên quan đến Công khai thu – chi tài chính.

- Tổng hợp các biểu mẫu, nội dung công khai của các bộ phận.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024.

- Nộp hồ sơ thực hiện công khai về Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Trà trước 30/9/2023.



Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai nhà trường năm học 2023-2024 của trường THCS Lê Độ, đề nghị các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH, TTCKM;
- BCH Công đoàn;
- Ban biên tập Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Lê Độ, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học có tên trong danh sách điều tra PCGD ở phường An Hải Bắc, trong độ tuổi từ 11 đến 15 và các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ trường trung học (Kèm theo Thông tư 32/2020)			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Dạy theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm thông tư 32/2018/TT-BGDDT ngày 26/12/2018		Thực hiện chương trình giáo dục hiện hành Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và thực hiện giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy có chỉ đạo của Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng và được hiệu trưởng phê duyệt phù hợp.	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng các quy định về sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường theo đường lối giáo dục của Đảng. Mỗi năm họp PHHS toàn trường 3 lần (đầu năm, kết thúc HKI và kết thúc năm học). Đồng thời khi cần thiết cho công tác giáo dục thì có thể mời riêng PHHS. - Học sinh thực hiện đúng điều 34 trong Điều lệ trường trung học số 32/2020/TT-BGDDT ngày 15/9/2020 về nhiệm vụ học sinh và thực hiện đúng nội quy học sinh của trường THCS Lê Độ 			
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đảm bảo đủ phòng học và các trang thiết bị tối thiểu trong phòng học phục vụ cho việc dạy học 1 buổi/1 ngày. Duy trì tốt hoạt động của 05 phòng bộ môn, 1 thư viện tiên tiến và 26 phòng học có máy chiếu projector, thiết bị tương tác U-pointer, 1 phòng học nhạc.			
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Thực hiện đầy đủ các hoạt động ngoài giờ, giáo dục theo chủ đề, chủ điểm, theo kế hoạch năm học.			
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Có đầy đủ giáo viên dạy đủ các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông. Tất cả các cán bộ quản lý và giáo viên đều đảm bảo các yêu cầu về tư tưởng chính trị, đạo đức tác phong, năng lực chuyên môn theo quy định của ngành giáo dục. Lãnh đạo nhà trường quản lý và thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và quy chế dân chủ cơ sở.			
	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của	- Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh.			

VII	học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phấn đấu trên 97% lén lớp thăng và 98% được công nhận tốt nghiệp THCS. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh. <p>Các hoạt động giáo dục của nhà trường nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học, có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật, hướng nghiệp để tiếp tục học PTTH, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.</p>
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉ lệ lén lớp thăng trên 97%. - Duy trì sĩ số ổn định. <p>Sau khi tốt nghiệp THCS tại trường THCS Lê Độ, các em có thể tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 phổ thông trung học, hoặc các trường trung cấp và học nghề.</p>

Sơn Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Thứ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hoa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của
trường THCS Lê Độ, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1901	574	358	500	469
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1783	540/94.1%	330/92.2%	471/94.2%	442/94.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	91	29/5.1%	16/4.5%	24/4.8%	22/4.7%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17	3/0.5%	7/2%	2/0.4%	5/1.07%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7	2/0.35%	2/0.56	3/0.6%	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	841	284/43.21%	183/51.12%	226/45.2%	185/39.45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	529	162/28.22%	102/28.49%	143/28.6%	122/26.01%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	466	160/27.87%	72/20.11%	126/25.20%	155/33.05%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	58	28/4.88%	5/1.4%	21/4.2%	5/1.07%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	4	/	/	2/0.4%	2/0.43
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1836	545/95.28%	353/98.6%	476/95.2%	462/98.51%
a	Học sinh giỏi trở lên (tỷ lệ so với tổng số)	841	248/43.21%	183/51.12%	226/45.2%	185/39.45%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	265	/	/	143/28.6%	122/26.01%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	58	28/4.88%	5/1.4%	21/4.2%	5/1.07%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7	0	1/0.27%	4/0.8%	2/0.43
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	15/20	5/6	4/4	3/6	2/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	63				63
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	9				9
3	Cấp quận	36			36	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	469				469
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	462				462
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	185				185/39.45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	122				122/26.01%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	155				155/33.05%
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VI II	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ		300/274	178/180	273/227	251/218
X	Số học sinh dân tộc thiểu số		1	1	0	1

Son Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023



Phạm Thị Hoa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
			Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	34	
II	Loại phòng học	34	
1	Phòng học kiên cố	32	1,7 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	02	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhở	0	-
5	Số phòng học bộ môn	05	2.4m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	31	1.2m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	1.2m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	42,25	
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9815 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2500 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2040 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1456 m ²	1.7m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	412 m ²	0.4m ² /hs
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	92	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	400 m ²	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²) - Phòng trình giảng, tin học - Phòng bảo vệ	442 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	3	0/14
2	Khối lớp 7	3	0/13
3	Khối lớp 8	6	0/9
4	Khối lớp 9	6	6/12
5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	102	19,9 hs/ bộ

			1.1
1	Tivi	30	30/48
2	Cát xét	7	7/48
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	3/48
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	7/48
5	Thiết bị khác: Máy trợ giảng	7	7/48
..		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		0	
XI	Khu nội trú		0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1Nam/1Nữ		6Nam/6Nữ	0.3m ² /hs	0.22 / 0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGDT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Son Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hoa

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS LÊ ĐỘ

MẪU 12

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS Lê Độ, năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp					Chuẩn nghề nghiệp	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	Dưới TCCN	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	104		22	73	0	1	0	36	57	2	21	64	
I	Giáo viên	90		18	65	1			35	53	2	21	60	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:													
1	Toán	17		5	12				8	8	1	5	12	
2	Lý	8			8					8		2	6	
3	Hóa	6			3					3	3		1	5
4	Sinh	8		1	7					4	4		1	7
5	Giáo dục công dân	0												
6	Công nghệ	0												
7	Thể dục	6			6									
8	Âm nhạc	3			3					2	1		1	5
9	Mỹ thuật	3			3					1	2		1	2
10	Tin học	3			1					1	2		1	2
11	Tiếng Anh	9		3	6					3	6		2	7
12	Ngữ văn	16		4	12					3	12	1	5	11
13	Lịch sử	5		2	3					2	3		1	4
14	Địa lý	5		1	4					2	3		1	4
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3			3	
1	Hiệu trưởng	1		1							1		1	
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2		2	
III	Nhân viên	10									1			
1	Nhân viên văn thư	1									1			
2	Nhân viên kế toán	1									1			
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1												
5	Nhân viên thư viện	1												
6	Thiết bị dạy học	2												
7	Bảo vệ	4												
IV	Giáo viên chuyên trách	1							1				1	

Số: 13/TT-NHANH
Ngày: 26 tháng 09 năm 2023

TRUNG PHƯỚC TRƯỞNG

CỘNG HÒA
LÊ ĐỘ

Nam Thị Hoa



UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS LÊ ĐỘ

THÔNG BÁO

Công khai Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023-2024 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	Đồng/HS/tháng	NN hỗ trợ 100% học phí theo NQ 43/NQQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND TP Đà Nẵng	
2	Vệ sinh	Đồng/HS/năm	60.000	Thực hiện theo giá dịch vụ NH 2023-2024
3	Dạy thêm, học thêm	Đồng/HS/môn/tháng	160.000	Thực hiện theo giá dịch vụ NH 2023-2024
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ HS/năm (56.700 tháng x 12 tháng)	680.400	Thực hiện theo CV số 1718/BHXH-QĐND ngày 17/8/2023 của BHXH thành phố Đà Nẵng
5	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp với tâm lý trẻ và học sinh.	Đồng/HS/hoạt động	300.000	Thực hiện theo giá dịch vụ NH 2023-2024 và Nghị quyết 98//2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	Đồng/HS/tháng	300.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng:
2	Vệ sinh	Đồng/HS/năm	70.000	Thực hiện theo giá dịch vụ
3	Dạy thêm, học thêm	Đồng/HS/môn/tháng	180.000	Thực hiện theo giá dịch vụ
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ HS/tháng		Thực hiện VB hướng dẫn của BHXH thành phố và quận



LÊ E

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
5	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp với tâm lý trẻ và học sinh	Đồng/HS/hoạt động	300.000	Thực hiện theo giá dịch vụ và Nghị quyết 98//2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố
III	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	Đồng/HS/tháng	300.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng:
2	Vệ sinh	Đồng/HS/năm	80.000	Thực hiện theo giá dịch vụ NH 2022-2023
3	Dạy thêm, học thêm	Đồng/HS/môn/tháng	200.000	Thực hiện theo giá dịch vụ
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ HS/tháng		Thực hiện VB hướng dẫn của BHXH thành phố và quận
5	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp với tâm lý trẻ và học sinh	Đồng/HS/hoạt động	300.000	Thực hiện theo giá dịch vụ NH 2023-2024 và Nghị quyết 98//2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố

Sơn Trà, ngày 27 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS LÊ ĐỘ

THÔNG BÁO

Công khai các khoản chi năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Các khoản chi lương	Đồng	8.649.194.071	
2	Các khoản chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài	Đồng	228.165.076	
3	Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý			
a	Mức cao nhất	Đồng/ người/tháng	13.337.705	
b	Mức bình quân	Đồng/ người/tháng	9.907.349	
c	Mức thấp nhất	Đồng/ người/tháng	4.166.487	
4	Mức chi thường xuyên/ 1 học sinh	Đồng/ học sinh/năm	668.000	
5	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	Đồng	335.273.160	

Sơn Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hoa

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS LÊ ĐỘ

THÔNG BÁO

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số người	Số tiền(Đồng)	Ghi chú
I	HỌC KỲ I		63.568.000	
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			
1	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	98	58.800.000	
2	Đối tượng được hưởng chính sách học bổng	01	4.768.000	
II	HỌC KỲ II		58.460.000	
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			
1	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	70	52.500.000	
2	Đối tượng được hưởng chính sách học bổng	01	5.960.000	

Sơn Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023



Phạm Thị Hoa

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Lê Độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày 17 Tháng 7 Năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH (06 THÁNG)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lê Độ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý Qúi I, II năm 2023 (6 tháng) như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí chính khóa				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được đế lại				
I	Chi nguồn học phí				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Nguồn 13				
	Nguồn 14	0			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.947	7.148	0,48	1,16
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.947	7.148	0,48	1,16
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.947	7.148	0,48	1,16
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	349	259	0,74	3,28

Sơn Trà, Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

